



Đội ngũ sáng tác văn học Tuyên Quang thời kỳ đổi mới sự tiếp nối của các thế hệ

Trần Thị Lệ Thanh^{a*}

^a Trường Đại học Tân Trào

*Email: lethanhcvtq@gmail.com

Thông tin bài viết

Ngày nhận bài:

15/4/2018

Ngày duyệt đăng:

12/6/2018

Từ khoá:

Văn học Tuyên Quang thời kỳ đổi mới, đội ngũ sáng tác văn học Tuyên Quang.

Tóm tắt

Nằm trong dòng chảy của văn học Việt Nam, văn học Tuyên Quang thời kỳ Đổi mới cũng được tính bắt đầu từ năm 1986. Về đội ngũ sáng tác, văn học thời kỳ này cho ta một danh sách gồm hai thế hệ: thế hệ các nhà thơ, nhà văn bên bi sáng tác từ thời chống Mỹ, qua những ngày đầu Hội văn học nghệ thuật Tuyên Quang mới được thành lập, cho đến tận hôm nay và thế hệ những nhà thơ, nhà văn, mới xuất hiện sau những năm đổi mới. Có thể con số thống kê số lượng tác giả chưa phải là cuối cùng, tuy nhiên trong một chừng mực nào đó, bài viết đã sưu tầm, tập hợp (ở mọi trạng thái với mức độ cao nhất), số lượng tác giả đã tham gia sáng tác văn học Tuyên Quang giai đoạn này. Hy vọng nó cho một cái nhìn tổng thể bức tranh sáng tác văn học của một địa phương, từ đó có cái nhìn so sánh với sáng tác văn học các địa phương khác thời kỳ Đổi mới.

Nội dung nghiên cứu

1. Đội ngũ sáng tác văn học Tuyên Quang thời kỳ trước đổi mới - Sự tỏa bóng của thế hệ tiền bối

Trong khoảng 10 năm, từ 1975 đến 1985 văn học Việt Nam được xem là *giai đoạn bản lề* của thời kỳ đổi mới. Gọi đó là giai đoạn bản lề bởi vì, sau 1975 tuy đất nước đã thống nhất, lịch sử Việt Nam đã chuyển qua một thời kỳ mới, nhưng văn học nghệ thuật thì có vẻ như vẫn vận động theo quan niệm và tư duy của văn học giai đoạn trước - giai đoạn sử thi. Đề tài về chiến tranh và người lính vẫn chiếm tỷ lệ ưu trội trong sáng tác của hầu hết các tác giả. Mặc dù hình như những người cầm bút đã bắt đầu cảm thấy không thể tiếp tục viết văn như trước, cho nên lực lượng sáng tác khá thưa thớt và số lượng tác phẩm cho ra đời cũng không nhiều.

Đối với văn học Tuyên Quang, khoảng thời gian này, việc sáng tác và phát triển đội ngũ cũng như việc cho ra mắt bạn đọc các tác phẩm văn học tuy vẫn được quan tâm, nhưng do việc thành lập Hội văn học Nghệ thuật Tuyên Quang diễn ra hơi muộn

cho nên nếu so sánh với một số Tỉnh thành lập Hội Văn học nghệ thuật sớm hơn như Hà Nội (1966 ban đầu có 200 hội viên đến nay đã lên tới gần 3000 hội viên), Hải Phòng, Hà Tĩnh, Quảng Ninh, Quảng Bình (1962) Nghệ An, Thanh Hoá, Vĩnh Phú, Nam Hà, (1968) Thừa Thiên Huế (1950 ban đầu 50 hội viên đến 1975 gần 300 hội viên), Thanh Hóa (1974 Từ 92 hội viên sáng lập sau 40 năm hoạt động, đến nay Hội Văn học nghệ thuật (VHNT) Thanh Hóa đã có 427 hội viên), Hoàng Liên Sơn (1976), Nam Định (1977), Quảng Nam - Đà Nẵng (1977) thì việc tổ chức hoạt động, công bố, xuất bản các tác phẩm văn học nghệ thuật Tuyên Quang giai đoạn này chưa tương xứng với những gì nó có. Một số tác giả tham gia viết từ trước năm 1975 như: Trần Hoài Quang, Đinh Công Diệp, Phù Ninh, Hà Phan, Hoàng Quang Trọng, Gia Dũng, Phạm Đức Hùng, Lã Hồng Minh, Lê Tuấn Lộc, Đoàn Thị Ký, Trần Khoái... sáng tác khá đều đặn, nhưng ngoài một số rất ít tác phẩm đăng trên Tập san *Tin Văn nghệ Tuyên Quang* (do Hoàng Quang Trọng và Gia Dũng chủ trì) và một số tác phẩm in trong *Tập truyện*

ngắn Hà Tuyên (1985), tập thơ *Đường qua kỷ niệm* (1975) do Nhà xuất bản Việt Bắc ấn hành, phần lớn các tác phẩm vẫn đăng trên các báo trung ương và in chung trong các tập thơ do Hội văn học nghệ thuật Việt Bắc xuất bản. Việc công bố các sáng tác trước công chúng vì thế ở rất nhiều người lại chưa thể thực hiện được. Cho nên rất nhiều tác phẩm văn học Tuyên Quang thời kỳ này cho đến nay vẫn nằm nguyên trong tủ của những người sinh ra nó. Thậm chí, những tác giả vốn được đánh giá cao và sáng tác khá đều đặn như Đinh Công Diệp, Đoàn Thị Ký, Phù Ninh cũng chỉ có vài tác phẩm được bạn đọc biết đến (Đinh Công Diệp có *Hương Bạch Đàn* (đăng trên báo Văn Nghệ 1969); Đoàn Thị Ký có *Hạt nắng vàng* (tác phẩm đầu tay đăng trên *Báo Nhân Dân* 1970), *Dòng sữa nuôi tôi*, (thơ in chung trong tập “Đường qua kỷ niệm” Nxb Việt Bắc 1975). Đặc biệt nhiều trường hợp như Phù Ninh học trường Bồi dưỡng viết văn của Hội Nhà văn Việt Nam từ năm 1972, Chủ tịch Hội Văn Nghệ Hà Tuyên rồi Tổng biên tập báo Tân Trào (1988-1991), Chủ tịch Hội Văn Nghệ Tuyên Quang (1991-2004), mà chỉ có một số rất ít các tác phẩm đăng trên báo Tân Trào, mãi đến 1989 mới xuất bản tập truyện ngắn đầu tay *Chiều biên giới*. Trần Hoài Quang làm thơ và viết báo tuyên truyền cách mạng từ trước 1945, là Hội viên Hội Văn học Nghệ thuật Hà Tuyên (nay là Hội VHNT Tuyên Quang) từ 1982, nhưng phải mãi đến 1991 mới có 1 tập thơ đầu tiên được xuất bản.

Cho nên phải đến sau khi Hội Văn nghệ Hà Tuyên (tiền thân của Hội Văn học nghệ thuật Tuyên Quang) được thành lập (ngày 26 tháng 6 năm 1982), báo *Văn Nghệ Hà Tuyên* ra đời (sau đổi thành báo *Tân Trào*), báo *An ninh Hà Tuyên* (Công An tỉnh Hà Tuyên phát hành), báo *Văn hoá Đồi sống* (Sở Văn hoá Thông tin Hà Tuyên phát hành) thì văn học Tuyên Quang mới thực sự tập hợp, thu hút lực lượng sáng tác trong tỉnh. Ngoài những tác giả đã có mặt thời kỳ trước như Trần Hoài Quang, Gia Dũng, Đinh Công Diệp, Đoàn Thị Ký, Trần Khoái, Nguyễn Kim Thanh, Cao Xuân Thái... ngày càng nhiều cây bút mới tham gia sáng tác và có những đóng góp tích cực cho văn học tỉnh nhà như Triệu Đăng Khoa, Nguyễn Đình Kiên, Ngọc Hiệp, Trịnh Thanh Phong, Trần Huy Văn, Nguyễn Bình, Xuân Bạch, Nguyễn Trọng Hùng, Lê Na, Lê Tuấn Lộc, Phạm Văn Vui, trong đó có những đóng góp

không nhỏ của các tác giả dân tộc thiểu số như Ninh Văn Độ (Ngọc Lan), Vương Thị Ván, Kim Chung, Nguyễn Trọng Hùng, Thái Bá Lý, Hà Trung Nghĩa, Trần Huy Văn, Hùng Đình Quý, Bàn Tài Đoàn, Quốc Kứu, Mai Liễu, Mai Đức Thông, Ma Văn Đức... Số lượng tác phẩm tăng nhanh và hình thức thể loại ngày càng phong phú. Nếu thống kê kỹ lưỡng một chút chúng ta có thể thấy nhiều tác phẩm tuy sau 1986 mới được xuất bản, nhưng trên thực tế lại được sáng tác trước 1986. Chẳng hạn *Đôi mắt vàng trắng* của Trịnh Thanh Phong đến 1999 mới xuất bản, nhưng trong đó có tới 16/23 bài được sáng tác trước 1986. *Suối làng* của Mai Liễu xuất bản năm 1994 nhưng trong đó có 10/35 bài được sáng tác trước 1986...

Cho nên có thể thấy, sau năm 1975, văn học cả nước nói chung, văn học Tuyên Quang nói riêng có thể tạm phân chia thành hai “dòng chảy chính”. Dòng chảy thứ nhất: Bộ phận văn học sử thi hiện đại vẫn tiếp tục vận động theo “quán tính” để tiếp nối nền văn học sử thi hiện đại Việt Nam trước 1975. Đó là những hồi ức về chiến tranh hoặc trực tiếp phản ánh “nỗi đau hậu chiến”. Văn học Tuyên Quang ở thời kỳ này vẫn có những tác phẩm có giá trị phản ánh những chiêm nghiệm về chiến tranh khi đã có “độ lùi” thời gian cần thiết. Các tác phẩm tiêu biểu cho khuynh hướng sáng tác này có thể kể đến *Nắng Tân Trào*, *Tổ quốc gọi lên đường* (Gia Dũng), *Móc nối* (Đinh Công Diệp và Đức Hùng), *Hà Tuyên vào trận* (tập thể tác giả), *Hành quân qua Tân Trào* (Hoàng Văn Thịnh)...

Dòng chảy thứ hai: Bộ phận văn học “phi sử thi” tập trung vào cảm hứng thế sự - đời tư, lấy số phận con người trước bão dông lịch sử hay trong bi kịch đời thường làm đối tượng phản ánh. Ngoài Đoàn Thị Ký và Gia Dũng, không nhiều tác giả Tuyên Quang đi theo hướng sáng tác này. Và phải sau khởi điểm “Đổi mới” 1986, chúng ta mới gặp ở văn học Tuyên Quang những tác phẩm có giá trị, sánh bước cùng văn học cả nước, hòa vào chủ lưu sáng tác lấy cuộc sống đời thường đa tạp, số phận con người bất thường làm đối tượng thẩm mỹ trung tâm.

2. Đội ngũ sáng tác văn học Tuyên Quang thời kỳ đầu đổi mới 1986 - 1991

Nhìn tổng thể văn học Việt Nam nói chung, có thể thấy đây là giai đoạn sôi nổi nhất trong thời kỳ Đổi mới. Trong mọi lĩnh vực nghệ thuật, văn học,

hội họa, âm nhạc, cho tới sân khấu, điện ảnh, sự đổi mới diễn ra vô cùng mãnh mẽ. Người ta tìm thấy nhiều lý do để giải thích, sờ sờ sau 1986 tình hình đội ngũ cũng như sáng tác có thể diễn ra sôi nổi như thế vì lúc ấy người ta được ăn nói, được phát biểu chính kiến, được hít thở trong một bầu không khí tương đối dân chủ, lành mạnh. Và chính bầu không khí ấy đã tạo nên sự khởi sắc trong sáng tác văn học. Đầu tiên là sự xuất hiện của rất nhiều bút ký như *Tiếng đất* của Hoàng Hữu Cát, *Người đàn bà quý* của Xuân Ba, *Cái đêm hôm ấy đêm gì* của Phùng Gia Lộc, *Lời khai của bị can* của Trần Huy Quang... Kế đến là hoạt động sân khấu với những tác phẩm kịch đầy sức thuyết phục của Lưu Quang Vũ và đặc biệt là hai đỉnh cao là kết tinh cho thành tựu của thời kỳ đổi mới là truyện ngắn và tiểu thuyết. Về đội ngũ sáng tác tiếp theo lớp nhà văn đã thành danh như Nguyễn Minh Châu, Ma Văn Kháng... lịch sử văn học Việt Nam hiện đại chào đón một loạt những cây bút mới rất sung sức như Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Thị Hoài, Bảo Ninh, Dương Thu Hương, Nguyễn Quang Lập, Nguyễn Duy, Thanh Thảo, Nhật Tuấn, Dương Hương, Nguyễn Khắc Trường, Tạ Duy Anh, Ngô Ngọc Bội, Lê Thị Minh Khuê... Sáng tác của họ đã tạo nên diện mạo vừa độc đáo, vừa đa dạng của văn học Việt Nam thời kỳ Đổi mới.

Đối với văn học Tuyên Quang, sau khi tờ báo Văn nghệ Hà Tuyên đã đổi thành báo Tân Trào (1988) văn học Tuyên Quang ở vào giai đoạn chuẩn bị đội ngũ và định hướng ngòi bút. Những tác giả thuộc lớp thứ 2 như Trịnh Thanh Phong, Triệu Đăng Khoa, Nguyễn Đình Kiên, Ngọc Hiệp, Trần Huy Vân, Nguyễn Bình, Xuân Bạch, Nguyễn Trọng Hùng, Lê Na, Lê Tuấn Lộc, Cao Xuân Thái, Phạm Văn Vui... chưa thực sự tìm thấy sức viết của mình. Những cây bút sau này trở thành trụ cột của văn học Tuyên Quang như Ngọc Hiệp, Lê Na, Lê Tuấn Lộc, Cao Xuân Thái số lượng tác phẩm đóng góp vẫn còn khiêm tốn (Trịnh Thanh Phong có 1 tập truyện ngắn in 1990 (*Bãi cuối sông*), 4 bài thơ (sau này in trong *Đôi mắt vàng trắng*) và 5 truyện ngắn (in trong *Gặp lại*), các tác giả khác trong vài năm cũng chỉ cho ra đời vài tác phẩm (Trần Huy Vân 3 truyện ngắn; Mai Liễu khiêm tốn với 5 bài thơ (sau này in trong *Suối làng*) Lê Na có 3 bài, Lê Vũ Hạnh Phúc 5 bài (sau này in trong *Thợ mỏ gặp nhau 2000*) Ngọc Hiệp có 28 bài (trong *Lời ru giã gạo* (1992), 11 bài in

trong các tập thơ in chung, sau này tập hợp trong *Đợi trăng* 1999); Các tác giả như Nguyễn Bình, Lê Na, Ngô Đăng Khoa mỗi người cũng chỉ có vài bài. Số còn lại in trong hai cuốn Tuyên Quang văn 1988 - 1992 (tập văn in chung) và Thơ Tuyên Quang 1988 - 1992 (thơ in chung).

Những cây bút lớp trước như Trần Hoài Quang, Đinh Công Diệp, Phù Ninh, Đoàn Thị Ký, Trần Khoái, Nguyễn Kim Thanh còn dè dặt hơn, thậm chí có người dừng lại chiêm nghiệm. Cho nên ngoài Gia Dũng phong phú với 4 đầu sách (*Nắng Tân Trào* (1984), *Chiều trăng* (1986), *Mùa cốm mùa trăng* (1986), *Tứ tuyệt vô đề* (1987); Phù Ninh 1 tập truyện ngắn *Chiều biên giới* (1989); Trần Hoài Quang 1 tập thơ (1991) với 27 bài; Các tác giả Đinh Công Diệp chỉ có 1 truyện ngắn (*Lùng tù*); Đoàn Thị Ký 6 bài, Trần Khoái 5 bài...

Có thể thấy không khí sáng tác và sự xuất quân ồ ạt của các cây bút chuyên nghiệp trong cả nước không mấy tác động vào đội ngũ sáng tác văn học Tuyên Quang những năm đầu thời kỳ đổi mới. Hình như tinh thần đổi mới chưa tạo được động lực và điều kiện để văn học Tuyên Quang thực sự lớn mạnh và phát triển lên một tầm cao mới.

3. Sự “trẻ hóa” đội ngũ sáng tác Văn học Tuyên Quang thời kỳ sung mãn nhất 1992 - 2005

Bước sang giai đoạn 1992 - 2005, cao trào đổi mới của Văn học Việt Nam nói chung, ngoài một số ít tác giả thỉnh thoảng vẫn gây được tiếng vang trên văn đàn như Nguyễn Khắc Trường với *Mảnh đất lắm người nhiều ma*, Nguyễn Việt Hà với *Cơ hội của chúa*, Tạ Duy Anh với *Đi tìm nhân vật*, Vi Thùy Linh với cuộc nổi loạn trong thơ... những cây bút tên tuổi như Nguyễn Minh Châu, Ma Văn Kháng, Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Thị Hoài, Bảo Ninh, Dương Thu Hương, Nguyễn Quang Lập, Nguyễn Duy, Thanh Thảo, Nhật Tuấn, Dương Hương, Ngô Ngọc Bội, Lê Thị Minh Khuê có vẻ như đã thực sự khép lại và lắng xuống không khí đổi mới ngày nào.

Trong khi đó tình hình phát triển đội ngũ sáng tác Văn học Tuyên Quang có vẻ như ngược lại. Trong vòng chỉ hơn mười năm số lượng các cây bút đã tăng gấp đôi (từ con số hơn 100 tác giả, lực lượng sáng tác văn học Tuyên Quang đã phát triển thành một đội ngũ hơn 200 tác giả). Số lượng tác phẩm được sáng tác và

công bố cũng nhiều chưa từng thấy (theo con số thống kê chưa đầy đủ lên tới gần 5000 tác phẩm).

Đối với các cây bút sáng tác từ thời kỳ trước Đổi mới, ai cũng nghĩ lúc này sáng tác sẽ thừa thớt dần và ngày càng vắng bóng. Tuy nhiên nhìn vào những tác phẩm được đăng tải trên báo Tân Trào và các tuyển tập được xuất bản, thấy họ vẫn rất nhiệt tình cống hiến và có những đóng góp không nhỏ. Đinh Tàn mặc dù tuổi đã cao nhưng năm 1997 vẫn cho ra 1 tập thơ với gần 50 tác phẩm (*Thủy chung*); Phù Ninh trong hơn 10 năm cho ra cả thảy gần 100 tác phẩm được in 4 tập truyện ngắn in riêng (*Trước làng có soi rừ rừ* (1999), *Ngày rời bản* (2005) *Nhớ thác* (2000), *Nghĩa địa đen* (Tập truyện tranh thiếu nhi); 3 tập truyện ngắn in chung (*Ong đàn* (2002), *Suối tiên* (2005) và 2 cuốn tiểu thuyết (*Ngày trình trắng* (1993) và *Tân Trào rạng ngày độc lập* (2005)), gây được ấn tượng tốt cho bạn đọc. Đinh Công Diệp cũng cho ra đời một số lượng thuyết phục bao gồm 1 tiểu thuyết *Chi mình em mặc áo đen* (1995), 1 tập truyện ngắn *Cô bé lắc chuông* (1996) và khá nhiều tác phẩm khác in trong các tuyển tập hợp tuyển; Đoàn Thị Kỳ cũng cho ra hơn 50 bài thơ được in trong 2 tập thơ *Cô gái và cầu vồng* (1995) và *Nửa vòng bóng gạo* (2001) trong đó nhiều bài được ghi nhận là nhà thơ của ngọn nguồn cảm xúc Tân Trào. Đặc biệt nhà thơ Gia Dũng, hình như đến lúc này mới chứng tỏ được sức viết và chất lượng ngòi bút của mình. Chỉ hơn 10 năm, ông đã cho ra gần chục đầu sách, chiếm con số kỷ lục về số lượng gần 200 tác phẩm mà về chất lượng cũng được đánh giá rất cao (*Người đọc thơ giọng trầm* (1992), *Bất ngờ ngoạn lại* (1993), *Tôi yêu năm bông hồng trắng* (1996), *Đơn ca* (1996), *Bây giờ em ở đâu* (1997), *Ngõ hoa vàng* (1999), *Cánh cửa khép hờ* (2000), *Thơ trữ tình Gia Dũng* (1998) với hơn 100 tác phẩm. Cao Xuân Thái cũng đóng góp *Sóng thượng nguồn* (1993); *Hoa mười giờ* (Thơ, 1994); *Trước đá* (Thơ, 1997); *Bão cuối mùa* (Thơ, 1997); *Ngôi nhà cổ tích* (1999); *Tiếng đêm* (Thơ, 2002); *Tháng Ba có một chợ tình* (Ký, 2003); *Tổ Quốc nơi cực Bắc* (Thơ chọn, 2003); *Ngược miền thông reo* (Ký, 2006)... Ngoài ra cũng phải kể đến Phan Tịnh Minh tuy không xuất bản tập thơ riêng nhưng vài năm cũng cho ra mắt hơn 30 tác phẩm hiện diện trên các báo.

Bên cạnh lực lượng tiền bối, không thể không kể đến đóng góp to lớn của lớp các nhà văn thuộc lớp

thứ hai như Trịnh Thanh Phong, Mai Liễu, Triệu Đăng Khoa, Nguyễn Đình Kiên, Ngọc Hiệp, Trần Huy Vân, Nguyễn Bình, Xuân Bach, Nguyễn Trọng Hùng, Phù Ninh, Lê Na, Lê Tuấn Lộc, Phạm Văn Vui. Đường như đến thời điểm này, sau một thời gian dài gần chục năm chiêm nghiệm về thời cuộc, về hướng đi và cách viết, họ đã tìm thấy những mảnh đất thật sự phù hợp để khai phá. Trịnh Thanh Phong chỉ chưa đầy 10 năm đã cho ra mắt bạn đọc tới gần chục đầu sách trong đó số lượng tác phẩm lên tới gần 100 *Gặp lại* (Truyện ngắn, 1997), *Đôi mắt vàng trắng* (Thơ, 1999), *Lời ru ban mai* (Truyện ngắn, 2000), *Bức tường xanh* (Truyện thiếu nhi, 2004), *Dưới chân núi Bắc Quan* (Ký, 2002), *Ma làng* (Tiểu thuyết, 2003), *Chim vành khuyên bay về* (Truyện thiếu nhi, 2004), *Vết thương thời bình* (Tập truyện ngắn, 2006). Nhà thơ Mai Liễu năm 1994 mới khởi đầu 1 tập thơ (*Suối làng*), mà rất nhanh ngay sau đó đã nổi lên như một cây bút sung mãn nhất với gần 200 bài thơ được in trong 7 tập thơ riêng *Suối làng* (1994), *Mây vẫn bay về núi* (1995), *Lời then ai buộc* (1996), *Tim tuổi* (1998), *Giấc mơ của núi* (2001), *Đầu nguồn mây trắng* (2004), *Bếp lửa nhà sàn* (2005) và một tập kí sự *Vẫn còn mùa thổ cẩm* (2002); Trần Huy Vân đóng góp 15 truyện ngắn; Lương Ky gần 20 truyện ngắn (chủ yếu in trong *Lột xác*); Lê Na ngoài gần 50 bài in trong *Gửi tình về núi* (2001) còn có hơn 20 bài thơ đăng rải rác trên báo Tân Trào từ 1995 đến 2005; Nguyễn Tuấn tuy không ồn ào náo nhiệt nhưng cũng lặng lẽ cho ra gần 30 bài thơ và nhiều bút ký; Lê Vũ Hạnh Phúc chỉ 2 năm đã xuất bản tới năm đầu sách trong đó có tới gần 200 bài thơ được in trong các tập *Dưới bóng đa Tân Trào* (1998), *Thơ mở gặp nhau* (2000) *Như thuở ban đầu* (2001), *Hát lúc trăng lên, Đường xa*. Đó là chưa kể đến gần 2 chục bài đăng lẻ trên các báo và *Tôi người xứ Thanh* tuy xuất bản 2007 nhưng trong đó hơn 30 bài được sáng tác trước 2006. Ngọc Hiệp trong gần chục năm cho ra 3 tập thơ *Lời ru giếng mắc* (1992), *Đợi trăng* (1999) và *Tua rua trên núi* (2001) với gần 100 bài thơ trong đó nhiều bài để lại dấu ấn trong lòng bạn đọc. Ngô Đăng Khoa tuy sức khỏe không được tốt, hơn hai năm cũng cho ra hai tập với hơn 70 bài gây xúc động cho bạn đọc. Nguyễn Bình chỉ với 1 tập thơ riêng *Vàng trắng nơi em* (2006) và thơ in chung trong các tuyển tập cũng đóng góp gần 80

tác phẩm. Nguyễn Hữu Dục cũng có tới 30 bài. Thái Thành Vân ngoài tập *San sẻ* với 38 bài còn có gần 30 bài nữa in trên các báo; Nguyễn Đình Lâm gần 4 chục bài thơ (chủ yếu in trong *Gợi hứng*) và gần 20 truyện ngắn trong đó 10 tác phẩm in trong *Vịt ông* (2007); Nguyễn Bá Thắng với *Bờ biển vắng* (2005) gồm 46 bài; Và rất nhiều tác giả có hàng chục bài thơ như Hoài thu, Nguyễn Quốc Trí; Nguyễn Hữu Bình ... Còn những tác giả có một vài bài được in trong các tuyển tập và đăng tải trên Báo Tân Trào thì con số lên tới hàng trăm người.

Sẽ là chưa đầy đủ và thật sự thiếu xót nếu giai đoạn được xem là sung mãn nhất của văn học Tuyên Quang thời kỳ Đổi mới, không nhắc tới những đóng góp của các cây bút trẻ mới bắt đầu sự nghiệp sau 1992 như Vũ Xuân Tửu, Vũ Tuấn, Hoàng Kim Yên, Đinh Công Thủy, Tạ Bá Hương, Bùi Mai Anh... Đây là những gương mặt ngay từ những tác phẩm đầu tay đã sớm gây chú ý bạn đọc. Không đơn giản chỉ là đóng góp về số lượng, những sáng tác của họ như thổi vào văn học Tuyên Quang thời kỳ Đổi mới một luồng gió mới mẻ, trẻ trung và tràn đầy năng lượng. Hình như chưa bao giờ, Văn học Tuyên Quang chứng kiến một sự tập hợp nhanh và thú vị bởi một lực lượng sáng tác có sức viết khỏe như thế. Nếu Vũ Tuấn, Hoàng Kim Yên, Bùi Mai Anh đem đến một cái nhìn tinh tế, giàu cảm xúc, thì Vũ Xuân Tửu, Đinh Công Thủy, Tạ Bá Hương lại viết như thể có một sự xấp đặt của số phận. Không dè dặt, dò tìm, không e ngại, lúng túng, họ thể hiện phong cách riêng trong sáng tác như thể hiện chính con người cá tính của mình vậy. Với những thành công của đội ngũ này, nhiều giải thưởng lớn đã về với văn học Tuyên Quang. Đặc biệt về số lượng, Vũ Xuân Tửu trong vòng 8 năm (kể từ tập truyện ngắn đầu tay được xuất bản năm 1998 đến 2006) đã cho xuất bản 11 đầu sách gồm gần 100 tác phẩm với đủ các thể loại, thơ, trường ca, tiểu thuyết, truyện ngắn *Tâm phào* (1998), *Miếng trâu xanh* (1998), *Cảnh giác với tệ nạn xã hội* (1999), *Đám cháy trên cánh rừng đầu nguồn* (2000), *Rừng sáo* (2002), *Nửa tình nửa quê* (2002), *Yếm thắm* (2003), *Bí mật cuốn gia phả* (2005), *Con chim lửa* (2006), *Chúa Bầu* (2006), *Hình bóng đàn bà* (2006); Đinh Công Thủy tuy chỉ với một số bài trong các tập in chung *Chút hương rừng* (1997), *Thơ trẻ chọn lọc* (1994-1998), *Bài ca người thợ*

(1998), *Dọc sông Hồng* (2002) và 2 tập thơ riêng *Khi tôi lớn* (2000) và *Giấc mơ hạt thóc* (2005), nhưng cũng đóng góp gần 100 bài thơ; Vũ Tuấn ngoài 35 bài trong tập *Biển ảo* còn hàng chục tác phẩm thơ và tuyển ngắn đăng trên các báo; Hoàng Kim Yên ngoài thơ in trong *Bài ca người thợ* (1998) còn có hơn 10 bài thơ và 11 tác phẩm văn xuôi đăng trên các báo; Tạ Bá Hương ngoài 39 bài in trong *Dòng sông thời gian* còn hơn 20 bài thơ và 5 tác phẩm văn xuôi in trên các báo trung ương và địa phương; Bùi Mai Anh sáng tác tuy và số lượng đóng góp không nhiều nhưng cũng cho những bài nhiều dư vị.

KẾT LUẬN

Mặc dù công tác thống kê gặp khá nhiều khó khăn, tuy nhiên con số với gần 5000 tác phẩm của hơn 200 tác giả so với hình dung ban đầu chỉ khoảng 1000 tác phẩm của gần 100 tác giả của chúng tôi khiến việc sưu tầm, tập hợp này thật sự đem lại ý nghĩa cho người nghiên cứu. Thành tựu phát triển đội ngũ sáng tác này giúp chúng tôi có cái nhìn khác hơn về Văn học Tuyên Quang thời kỳ Đổi mới. Hy vọng một công trình nghiên cứu mang tính hệ thống sẽ đem đến cho bạn đọc những kết quả bất ngờ và làm nên một *Điện mạo văn học Tuyên Quang thời kỳ Đổi mới 1986 - 2005* đầy đủ, phong phú, đa dạng và bề thế hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đinh Công Diệp (1996), *Tập truyện thiếu nhi Cô bé lắc chuông*, Nxb Kim Đồng, Hà Nội;
2. Đinh Công Diệp (1995), *Tiểu thuyết Chi mình em mặc áo đen*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội;
3. Đinh Công Diệp (2009), *Tập truyện ngắn* Đinh Công Diệp, Nxb Hội nhà văn, Hà Nội;
4. Nguyễn Hữu Dục (2009), *Tập thơ Về miền lau trắng*, Nxb Hội nhà văn, Hà Nội;
5. Nguyễn Hữu Dục (2012), *Tập thơ Sông Lô gọi về*, Nxb Hội nhà văn, Hà Nội;
6. Gia Dũng (1994), *Tập thơ Bất ngờ ngoảnh lại*, Nxb Thanh niên, Hà Nội;
7. Gia Dũng (2011), *Cuối trời Mây trắng bay*, Nxb Văn học, Hà Nội;
8. Nguyễn Đức Dụ (2009), *Tập thơ Ánh trắng*, Nxb Hội nhà văn, Hà Nội;
9. Nguyễn Đức Hạnh (2012), *Tập thơ Khoảng lặng*, Nxb Đại học Thái Nguyên, Thái Nguyên;

10. Nguyễn Đức Hạnh (2000), *Tập thơ Núi Khát*, Nxb Hội nhà văn, Hà Nội;
11. Hội văn học nghệ thuật Hà Tuyên (1991), *Thơ Hà Tuyên 1990*, Hội văn học nghệ thuật Hà Tuyên, Tuyên Quang;
12. Đức Hùng (2007), *Tập truyện ngắn Chiếc nhẫn dòng họ*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội;
13. Ngọc Hiệp (2010), *Tập thơ Hoa lòng*, Nxb Hội nhà văn, Hà Nội;
14. Ngọc Hiệp (2001), *Tập thơ Tua rua trên núi*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội;
15. Ngọc Hiệp (1999), *Tập thơ Đợi trắng*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội;
16. Ngô Ngọc Khánh (2009), *Tập thơ Dòng sông tìm lại*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội;
17. Ngô Đăng Khoa (2006), *Tập thơ Mưa nắng quê nhà*, Nxb Hội nhà văn, Hà Nội;
18. Ngô Đăng Khoa (2005), *Tập thơ Hồ quê*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội;
19. Lương Ky (2002), *Tập truyện ngắn Bông sen bằng sắt*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội;
20. Lương Ky (2005), *Tiểu thuyết đất dưới chân mình*, Nxb Hội nhà văn, Hà Nội;
21. Lương Ky (2006), *Tập thơ Mẹ vắng*, Nxb Hội nhà văn, Hà Nội;
22. Lương Ky (2007), *Tập truyện ngắn Lột xác*, Nxb Hội nhà văn, Hà Nội;
23. Nguyễn Đình Lâm (2007), *Tập thơ Gọi hừng*, Nxb Hội nhà văn, Hà Nội;
24. Nguyễn Đình Lâm (2006), *Tập truyện ngắn Vịt óng*, Nxb Hội nhà văn, Hà Nội;
25. Nguyễn Đình Lâm (2008), *Tiểu thuyết Những bông hoa rừng*, Nxb Hội nhà văn, Hà Nội;
26. Đoàn Ngọc Minh (2009), *Tập thơ Mua và em*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội;
27. Lê Na (2001), *Tập thơ Gửi tình về núi*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội;
28. Lê Na (2009), *Tập thơ Dọc miền lau*, Nxb Hội nhà văn, Hà Nội;
29. Lê Na (2014), *Tập thơ Thôi đừng làm sóng*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội;
30. Nhiều tác giả (2006), *Hai mươi năm văn học Tuyên Quang*, Nxb Hội nhà văn, Hà Nội;
31. Nhiều tác giả (2009), *Đất Tuyên Quang núi sông diễm lệ*, Nxb Hội nhà văn, Hà Nội;
32. Nhiều tác giả (2002), *Ong đàn*, Nxb Hội văn học nghệ thuật Tuyên Quang, Tuyên Quang;
33. Nhiều tác giả (1993), *Văn Tuyên Quang 1988-1992*, Nxb Hội văn học nghệ thuật Tuyên Quang, Tuyên Quang;
34. Nhiều tác giả (1993), *Thơ Tuyên Quang 1988-1992*, Nxb Hội văn học nghệ thuật Tuyên Quang, Tuyên Quang;
35. Nhiều tác giả (2004), *Thơ văn Tuyên Quang 1999-2004*, Nxb Hội nhà văn, Hà Nội;
36. Nhiều tác giả (2009), *Văn học Tuyên Quang 2005-2010*, Nxb Hội nhà văn, Hà Nội;

The literature authors in Tuyen Quang in the renovation period - the connection among generations.

Tran Thi Le Thanh

Article info

Received:
15/4/2018
Accepted:
12/6/2018

Keywords:

Literature of Tuyen Quang in the period of renovation,
Tuyen Quang literary composition.

Abstract

in the flow of Vietnamese literature, Tuyen Quang Literature in the renovation period was also started in 1986. Regarding the composition team, this period provides a list of two generations: the authors from the anti-American period, through the early days of the newly established Arts and Literature Association until today and the new generation of authors in the post-renovation period I. It is possible that the number of authors is not the last, but to a certain extent, the article has collected, gathered (in all states with the highest level), the number of authors participated in literary writing in Tuyen Quang. In a positive perspective, it gives an overview of the literary composition of a particular region and to compare with overview of literature composing in other regions in the renovation period.